

**CÔNG KHAI**  
**THEO THÔNG TƯ 09/2024/TT-BGDĐT NGÀY 3 THÁNG 6**  
**NĂM 2024 CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1.1. Tên cơ sở giáo dục**

Trường Mầm non Bắc Lý

**1.2. Địa chỉ trụ sở**

Địa chỉ: Trụ sở chính: Thôn Nội Rời, xã Bắc Lý, tỉnh Ninh Bình.

Điện thoại: 0976565009

Email: [c0bacly@hanam.edu.vn](mailto:c0bacly@hanam.edu.vn)

Website: <https://mnbacly.ninhbinh.edu.vn/>

**1.3. Loại hình cơ sở giáo dục**

Trường Mầm non công lập

**1.4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu**

Tạo môi trường giáo dục an toàn, tràn đầy tình yêu thương; mỗi trẻ đều được chăm sóc chu đáo, được tôn trọng, được vui vẻ thể hiện bản thân. Tạo dựng đội ngũ giáo viên đạo đức, giỏi chuyên môn – là người giữ trọng trách hướng dẫn, khuyến khích, thúc đẩy khả năng khám phá của trẻ; giúp trẻ hình thành tích cách tự lập, có bản lĩnh, suy nghĩ độc lập và biết cách ứng xử trong xã hội.

Luôn tạo dựng và gắn kết với cha mẹ trẻ mà ở đó gia đình sẽ đóng vai trò hỗ trợ đắc lực giúp giáo viên phát triển tối đa tiềm năng của trẻ.

**Tầm nhìn:**

Xây dựng nhà trường đạt chuẩn về việc chăm sóc giáo dục và phát triển tối đa những tố chất thông minh của trẻ ngay từ nhỏ.

Khuyến khích trí tò mò tìm hiểu thế giới xung quanh của trẻ sẽ giúp các con tiếp thu kiến thức một cách tự nhiên, giúp các con có khả năng tư duy độc lập, phát triển về kiến thức lẫn nhân cách một cách toàn diện, đáp ứng nhu cầu và mong đợi ngày càng nâng cao của đông đảo cha mẹ trẻ trong và ngoài địa bàn, là sự lựa chọn đầu tiên cho các bậc cha mẹ có con trong độ tuổi mầm non.

**Mục tiêu:**

Xây dựng môi trường giáo dục hiện đại trong đó đề cao sự phát triển cá tính và năng khiếu riêng biệt của trẻ.

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, phù hợp với yêu cầu đổi mới và hội nhập.

Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi trong những năm tiếp theo. Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ đạt hiệu quả cao.

### **1.5. Quá trình hình thành và phát triển**

Trường Mầm non Bắc Lý được thành lập năm 1996. Khi thành lập trường thuộc loại hình trường mầm non dân lập và được chuyển sang loại hình trường mầm non bán công theo Quyết định số 1083/QĐ-UBND ngày 18 tháng 09 năm 2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam; đến năm 2012 được chuyển đổi sang trường mầm non công lập theo Quyết định số 201/QĐ-UBND ngày 19 tháng 01 năm 2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh Hà Nam.

Tháng 7 năm 2022 trường được Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam công nhận đơn vị trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2 và kiểm định chất lượng giáo dục, được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Lý Nhân công nhận danh hiệu đơn vị đạt chuẩn văn hóa theo Quyết định số 2731/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2018.

Nhà trường có 03 điểm trường với tổng diện tích là 9032m<sup>2</sup> đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường mầm non, cơ sở vật chất khang trang môi trường sáng, xanh, sạch, thân thiện, an toàn với trẻ. Đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường được ổn định và luôn có tinh thần cống hiến hết mình cho sự nghiệp giáo dục, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao. Gần 30 năm thành lập và phát triển, nhà trường đã có nhiều đóng góp tích cực, hiệu quả vào sự nghiệp giáo dục của địa phương.

Chi bộ được Đảng bộ xã Bắc Lý đánh giá “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” năm 2025. Tập thể Chi đoàn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nhiều năm liền.

Nhà trường có đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đầy đủ về số lượng đảm bảo về chất lượng, tư cách phẩm chất đạo đức tốt, tay nghề vững vàng, có năng lực, nhiệt tình và năng động trong công tác, có kinh nghiệm trong quản lý và giảng dạy, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc.

Qua những thành tích đạt được trường Mầm non Bắc Lý luôn phấn đấu giữ vững kết quả đạt được và hoàn thành tốt mục tiêu giáo dục đề ra cho những năm sau.

### **1.6. Thông tin đại diện pháp luật**

Họ và tên: Đặng Thị Vân Anh

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Trường Mầm non Bắc Lý. Điện thoại: 0976565009

### **1.7. Tổ chức bộ máy**

a) Quyết định thành lập, sáp nhập..

Trường Mầm non Bắc Lý được thành lập năm 1996. Khi thành lập trường thuộc loại hình trường mầm non dân lập

Đến tháng 9/2003 trường được chuyển đổi sang loại hình trường Bán công theo Quyết định số 1083/QĐ-UBND ngày 18 tháng 09 năm 2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam;

Đến năm 2012 được chuyển đổi sang trường mầm non công lập theo Quyết định số 201/QĐ-UBND ngày 19 tháng 01 năm 2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh Hà Nam.

b) Quyết định số 4119/QĐ-UBND ngày 06/11/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Lý Nhân về kiện toàn Hội đồng trường của Trường Mầm non Bắc Lý, nhiệm kỳ 2023 - 2028.

Danh sách thành viên hội đồng trường

| STT | Họ và tên           | Chức vụ                       | Chức danh          |
|-----|---------------------|-------------------------------|--------------------|
| 01  | Đặng Thị Vân Ánh    | Hiệu trưởng, phụ trách trường | Chủ tịch           |
| 02  | Phan Thị Bích Thảo  | Phó Hiệu trưởng               | P. Chủ tịch        |
| 03  | Trần Thị Quyên      | Phó Hiệu trưởng               | P. Chủ tịch        |
| 04  | Trần Thị Thuý       | Tổ trưởng Tổ mẫu giáo         | Thành viên- Thư ký |
| 05  | Cao Thị Thanh Tuyền | Tổ trưởng Tổ nhà trẻ          | Thành viên         |
| 06  | Nguyễn Thị Oanh     | Tổ trưởng tổ văn phòng        | Thành viên         |
| 07  | Trần Thị Mai Hương  | Bí thư chi đoàn               | Thành viên         |

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng

Quyết định số 859/QĐ-UBND ngày 05/01/2025, Quyết định của Ủy ban nhân dân xã Bắc Lý về việc phân công phụ trách, điều hành trường Mầm non Bắc Lý.

Quyết định số 534/QĐ-UBND ngày 19/8/2025, Quyết định của Ủy ban nhân dân xã Bắc Lý về việc bổ nhiệm viên chức.

## II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

### 1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên

| STT        | Nội dung                                              | Tổng số   | Trình độ đào tạo |          |           |          |          |          |
|------------|-------------------------------------------------------|-----------|------------------|----------|-----------|----------|----------|----------|
|            |                                                       |           | TS               | ThS      | ĐH        | CĐ       | TC       | Dưới TC  |
|            | <b>Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên</b> | <b>51</b> | <b>0</b>         | <b>1</b> | <b>33</b> | <b>9</b> | <b>6</b> | <b>2</b> |
| <b>I</b>   | <b>Giáo viên</b>                                      | <b>38</b> | <b>0</b>         | <b>0</b> | <b>29</b> | <b>9</b> | <b>0</b> | <b>0</b> |
| 1          | Nhà trẻ                                               | 10        | 0                | 0        | 6         | 4        | 0        | 0        |
| 2          | Mẫu giáo                                              | 28        | 0                | 0        | 23        | 5        | 0        | 0        |
| <b>II</b>  | <b>Cán bộ quản lý</b>                                 | <b>3</b>  |                  |          | <b>2</b>  |          |          |          |
| 1          | Hiệu trưởng                                           | 1         |                  |          | 1         |          |          |          |
| 2          | Phó hiệu trưởng                                       | 2         |                  | 1        | 1         |          |          |          |
| <b>III</b> | <b>Nhân viên</b>                                      | <b>10</b> |                  |          | <b>2</b>  |          |          |          |
| 1          | Nhân viên văn thư                                     | 1         |                  |          | 1         |          |          |          |
| 2          | Nhân viên kế toán                                     | 1         |                  |          | 1         |          |          |          |
| 3          | Thủ quỹ                                               |           |                  |          |           |          |          |          |
| 4          | Nhân viên y tế                                        | 0         |                  |          |           |          |          |          |
| 5          | Nhân viên cấp dưỡng                                   | 6         |                  |          |           |          | 6        |          |
| 6          | NV phục vụ                                            | 0         |                  |          |           |          |          | 0        |
| 7          | Bảo vệ                                                | 2         |                  |          |           |          |          | 2        |
| 8          | Bảo mẫu                                               |           |                  |          |           |          |          |          |

## 2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp

| STT | Nội dung              | Năm học 2024 - 2025 | Năm học 2025 - 2026 |
|-----|-----------------------|---------------------|---------------------|
| 1   | <b>Cán bộ quản lý</b> |                     |                     |
|     | Số lượng              | 3                   | 3                   |
|     | Tỷ lệ                 | 100%                | 100%                |

|   |                  |       |       |
|---|------------------|-------|-------|
| 2 | <b>Giáo viên</b> |       |       |
|   | Số lượng         | 38/38 | 38/38 |
|   | Tỷ lệ            | 100%  | 100%  |

**2.3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định**

| STT | Nội dung              | Năm học 2024 - 2025 | Năm học 2025 - 2026 |
|-----|-----------------------|---------------------|---------------------|
| 1   | <b>Cán bộ quản lý</b> |                     |                     |
|     | Số lượng              | 3                   | 2                   |
|     | Tỷ lệ                 | 100%                | 100%                |
| 2   | <b>Giáo viên</b>      |                     |                     |
|     | Số lượng              | 38                  | 38                  |
|     | Tỷ lệ                 | 100%                | 100%                |
| 3   | <b>Nhân viên</b>      |                     |                     |
|     | Số lượng              | 2                   | 2                   |
|     | Tỷ lệ                 | 100%                | 100%                |

**III. CƠ SỞ VẬT CHẤT**

| STT | Nội dung            | Năm 2024 - 2025      | Năm 2025 - 2026      | Yêu cầu theo quy định |
|-----|---------------------|----------------------|----------------------|-----------------------|
| 1   | Diện tích khu đất   | 10.553m <sup>2</sup> | 10.553m <sup>2</sup> |                       |
|     | Điểm trường         | 02                   | 02                   |                       |
|     | Diện tích bình quân | 21,94m <sup>2</sup>  | 21,94m <sup>2</sup>  |                       |
| 2   | Số lượng, hạng      |                      |                      |                       |
| 2.1 | Khối phòng nuôi     |                      |                      |                       |

|            |                           |    |    |  |
|------------|---------------------------|----|----|--|
|            | Phòng học (nuôi)          | 18 | 18 |  |
|            | Phòng vệ sinh             | 18 | 18 |  |
|            | Phòng ngủ                 | 0  | 0  |  |
|            | Phòng khác                |    |    |  |
| <b>2.2</b> | <b>Khối phòng phục vụ</b> |    |    |  |
|            | Thư viện                  | 0  | 0  |  |
|            | Phòng thể chất            | 0  | 1  |  |

|            |                                 |    |    |  |
|------------|---------------------------------|----|----|--|
|            | Phòng đa chức năng (nghệ thuật) | 0  | 0  |  |
|            | Phòng khác                      | 0  | 0  |  |
| <b>2.3</b> | <b>Khối phòng tổ chức ăn</b>    |    |    |  |
|            | Nhà bếp                         | 02 | 02 |  |
|            | Phòng kho                       | 2  | 2  |  |
|            | Phòng khác                      | 0  | 0  |  |
| <b>2.4</b> | <b>Khối phòng hành</b>          |    |    |  |
|            | Phòng hiệu trưởng               | 01 | 01 |  |
|            | Phòng phó hiệu trưởng           | 02 | 02 |  |
|            | Văn phòng trường                | 01 | 01 |  |
|            | Phòng họp                       | 0  | 0  |  |
|            | Phòng hành chính quản trị       | 0  | 0  |  |
|            | Phòng bảo vệ                    | 02 | 02 |  |
|            | Phòng y tế                      | 02 | 02 |  |

|            |                                   |    |    |  |
|------------|-----------------------------------|----|----|--|
|            | Phòng truyền thống                | 0  | 0  |  |
|            | Phòng nhân viên                   | 02 | 02 |  |
|            | Phòng khác                        | 0  | 0  |  |
| <b>2.5</b> | <b>Khối công trình công cộng</b>  |    |    |  |
|            | Nhà xe giáo viên                  | 02 | 02 |  |
|            | Phòng khác                        | 0  | 0  |  |
| 3          | Số lượng thiết bị đồ              | 18 | 18 |  |
| 4          | Số lượng đồ chơi ngoài trời       | 48 | 48 |  |
| 5          | Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục |    |    |  |
|            | - Tivi                            | 18 | 18 |  |
|            | - Đầu Video/đầu đĩa               | 0  | 0  |  |
|            | - Máy vi tính văn phòng           | 07 | 07 |  |

#### IV. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

**1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá.**

- Kết quả đánh giá

Trường Mầm non Chính Lý tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 3, đạt chuẩn quốc gia Mức độ 2. Kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá hàng năm.

**2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 5 năm tiếp theo và hàng năm**

- Kết quả đánh giá và công nhận

Nhà trường đạt Chuẩn quốc gia mức độ 2 theo Quyết định số 1540/QĐUBND ngày 16/8/2022. Đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 theo Quyết định số 686/QĐ-SGDĐT ngày 11/8/2022.

Kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng năm 2024 -2025. Nhà trường đã xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục năm học 2025 – 2026

**V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC** Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của năm học trước

| STT | Nội dung                                                                    | Năm học<br>2024 - | Năm học<br>2025 – 2026 |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------------------|
| 1   | Tổng số lớp                                                                 | 18                | 18                     |
| 2   | Tổng số trẻ                                                                 | 497               | 481                    |
| 3   | Số trẻ bình quân/nhóm (lớp)                                                 | 27,61             | 26,72                  |
| 4   | Số trẻ học 2 buổi/ngày                                                      | 497               | 481                    |
| 5   | Số trẻ được tổ chức ăn bán trú                                              | 497               | 481                    |
| 6   | Số trẻ được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe | 497               | 481                    |
| 7   | Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 05 tuổi                  | 147               | 148                    |
| 8   | Số trẻ khuyết tật                                                           | 0                 | 1                      |

**VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH**

| TT | Nội dung                                       | Năm 2025      | Năm 2026      |
|----|------------------------------------------------|---------------|---------------|
|    | Tình hình tài chính (các khoản chi phân theo): | 6.830.180.300 | 3.230.400.000 |
|    | - Chi tiền lương và thu nhập                   | 6.180.300.000 | 2.995.400.000 |
|    | - Chi cơ sở vật chất và dịch vụ                | 643.280.300   | 206.000.000   |
|    | - Chi khác                                     | 7.600.000     | 29.000.000    |

|                                                                                                                                                 |               |               |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|---------------|
| Các khoản thu và mức thu đối với người học (bao gồm học phí, lệ phí và tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm | 2.957.262.000 | 1.136.481.000 |
| Chính sách và kết quả thực hiện về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng trong năm                                                            | 15.047.500    | 0             |
| Số dư quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có)                                                                                             | 0             | 0             |

## VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

### 1. Nâng cao chất lượng, chuẩn hóa đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên mầm non

Lãnh đạo nhà trường tích cực chủ động nghiên cứu, chỉ đạo, triển khai tổ chức thực hiện đúng các văn bản chỉ đạo của cấp trên, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên. Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống, nâng cao nhận thức, rèn luyện phẩm chất nghề nghiệp, bố trí công việc phù hợp với năng lực sở trường, đánh giá lựa chọn, giáo viên có đầy đủ phẩm chất đạo đức, năng lực sư phạm, nhiệt tình làm tổ trưởng tổ phó chuyên môn. Tăng cường công tác kiểm tra đánh giá về thực hiện quy chế chuyên môn, hồ sơ sổ sách giáo viên, hồ sơ bồi dưỡng thường xuyên. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động chuyên môn, chăm lo đời sống, vật chất tinh thần cho giáo viên

#### 7.2. Thực hiện các kế hoạch, đề án

Nhà trường xác định rõ các mục tiêu đề án và lập kế hoạch, xác định các công việc cần thực hiện trong đề án và phân công cho các thành viên trong trường cùng thực hiện. Đến thời điểm hiện tại các kế hoạch, đề án của nhà trường thực hiện đúng tiến độ.

#### 7.3. Công tác xã hội hóa và hội nhập quốc tế

Công tác xã hội hóa tại nhà trường đạt được kết quả khả quan vượt trội so với kết quả dự kiến. Nhà trường nhận được sự hỗ trợ tích cực từ phía địa phương, hội khuyến học xã, mạnh thường quân và cha mẹ học sinh.

#### 7.4. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin

Nhà trường đang thực hiện chuyển đổi số trong công tác quản lý giáo dục Xây dựng kho tài liệu trực tuyến dùng chung.

Nhà trường áp dụng tốt các phần mềm như SSC, IMAS, phần mềm bảo hiểm xã hội, kê khai thuế, dịch vụ công, quản lý tài sản công, cơ sở dữ liệu ngành, phần mềm Media quản lý trang web... Sử dụng phần mềm Mind-Jet trong xây dựng kế hoạch soạn giảng các lứa tuổi được Ban giám hiệu quản lý trên mạng nội bộ của nhà trường.

Thực hiện tốt ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý hồ sơ và báo cáo. Cập nhật, thống kê và báo cáo đầy đủ theo quy định trên phần mềm.

Tiếp tục triển khai rà soát, hoàn thiện, cập nhật mã định danh của trẻ; hồ sơ trường, hồ sơ giáo viên trên cơ sở dữ liệu ngành theo đúng quy định.

Khai thác nguồn tài liệu, các ứng dụng, phần mềm để vận dụng vào tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ.

Nhà trường định hướng cho giáo viên ứng dụng các ứng dụng như pintersest (Website chia sẻ ảnh dưới dạng mạng xã hội); powerpoint (phần mềm trình chiếu để truyền tải thông tin); Articulate Studio (phần mềm biến các slide thuyết trình powerprint thành bài giảng điện tử)... trong thiết kế và hoạt động giáo dục cho trẻ.

### 7.5. Công tác truyền thông

Nhà trường có xây dựng kế hoạch truyền thông, ra quyết định phân công người phụ trách công tác truyền thông và thực hiện báo cáo theo yêu cầu của các cấp lãnh đạo.

Nhà trường đã đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục mầm non, các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

Tuyên truyền phổ biến kiến thức nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ thông qua bảng tin tuyên truyền của trường, lớp, qua trang mạng xã hội (trang fanpage Mầm non Bắc Lý, zalo nhóm lớp), thông qua Website trường:  
<https://ninhbinh.edu.vn/mnbacly>

Bắc Lý, ngày 15 tháng 6 năm 2026

**HIỆU TRƯỞNG**



**Đặng Thị Vân Ánh**